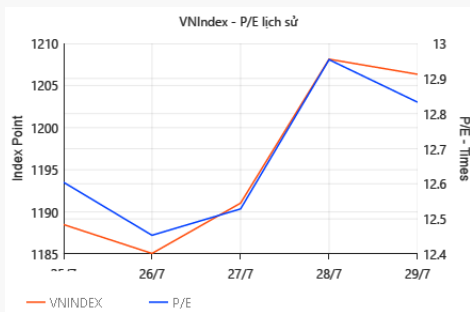


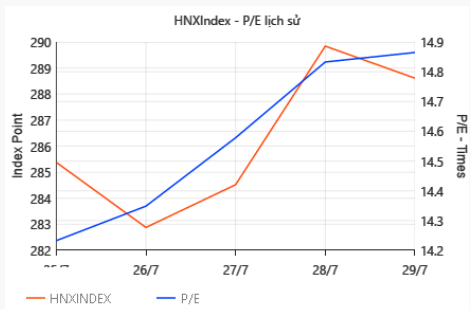


VN-INDEX



Điểm số	1,206.33
Tuần qua (WoW)	0.97%
Từ đầu năm (YTD)	-19.49%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-6.99%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-3.50%
P/E	12.83
P/B	2.02

HNX-INDEX



Điểm số	288.61
Tuần qua (WoW)	-0.08%
Từ đầu năm (YTD)	-39.11%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-12.35%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-8.46%
P/E	14.86
P/B	1.62

Chuyên viên Phân tích

Đỗ Trung Nguyên

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:702

Võ Thế Vinh

vinhvt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 - ext:701

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, XUẤT KHẨU, TIÊU DÙNG TĂNG TRƯỞNG VỮNG CHẮC TRONG KHI ÁP LỰC LẠM PHÁT CHƯA GIẢM THEO GIÁ XĂNG.

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Mỹ đã có quý thứ 2 liên tiếp tăng trưởng âm, một trong những dấu hiệu của suy thoái (dù không chính thức được công nhận). Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) theo đó cũng đã tăng lãi suất thêm 0.75%. Số liệu vĩ mô của Đức – nền kinh tế lớn nhất khu vực Châu Âu – công bố trong tuần qua cũng khá tiêu cực với khả năng thiếu khí đốt cho cả nhu cầu dân dụng và sản xuất, IMF theo đó đã tiếp tục cắt giảm dự báo triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu lần thứ 3 trong năm xuống mức 3.2% (dự báo gần nhất là 3.6%).

Tuần qua, Việt Nam công bố số liệu vĩ mô tháng 7 với số liệu sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, doanh số bán lẻ tiếp tục tăng trưởng cao chữ số (tuy nhiên cũng một phần do nền thấp của tháng 7 năm ngoái). Kiểm soát lạm phát vẫn là thách thức chính khi CPI vẫn tăng so với tháng trước dù giá xăng dầu đã giảm khá nhiều.

Mặc dù bức tranh vẫn đang duy trì tương đối tích cực nhưng chiến lược đầu tư sẽ phải điều chỉnh với rủi ro về suy thoái kinh tế toàn cầu trong các năm tới. Nhiều nhóm ngành được hưởng lợi lớn do xuất khẩu trong ngắn hạn vừa qua và đã phản ánh kỳ vọng vào giá sẽ là nhóm ngành cần phải chú ý. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý độ trễ về tác động của suy thoái toàn cầu (nếu xảy ra) tới kinh tế Việt Nam dù chúng ta đang có độ mở kinh tế lớn, và do vậy, với mức chiết khấu cao thì nhiều cổ phiếu đầu ngành (bất động sản, ngân hàng, hàng tiêu dùng, chế biến – chế tạo) vẫn sẽ cho cơ hội trong nhịp hồi phục trung hạn sắp tới của thị trường.

Mùa báo cáo kết quả quý 2 đã công bố được gần 50% số lượng doanh nghiệp niêm yết trên 2 sàn chính, chiếm 68% vốn hóa 2 sàn. Bức tranh chung vẫn đang nghiêng về phía tăng trưởng với chỉ 6/19 nhóm ngành lớn (theo phân loại fiinpro) chứng kiến sự sụt giảm về lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường tăng điểm nhẹ nhưng hoàn toàn không khiến quan điểm chung trong giai đoạn hiện tại thay đổi. Các vị thế ngắn hạn đã trở nên rủi ro và nên được đóng lại thay vì giải ngân. Các vị thế trung dài hạn cũng nên chờ đợi mức giá hấp dẫn hơn để tích lũy.



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	47.5%		-16.4%
VHM	15/02/21	2	77,730	Nắm giữ	81,800	5.2%	36.6%		6.8%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	70.2%		-27.7%
NLG	23/08/21	1	36,030	Nắm giữ	34,300	-4.8%		14.1%	8.7%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		0.6%	156.0%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	41.2%		-18.1%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		16.3%	104.1%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		4.1%	34.5%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		33.5%	126.2%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	25.0%		-2.7%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	22.4%		18.5%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Hiện tại đang đóng



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm nhẹ trên HSX và không có thay đổi đáng kể trên HNX trong tuần qua. Cụ thể, VN-Index tăng 0.97% để kết thúc tuần trên ngưỡng cản tâm lý 1,200 nhưng thanh khoản giảm nhẹ 7% về khối lượng và 3.5% về giá trị. Trên sàn Hà Nội, HNX-Index kết thúc tuần với mức điểm gần như bằng thời điểm đầu tuần. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 318 mã tăng / 333 mã giảm trên cả 2 sàn chính.

Trụ dẫn dắt đà tăng điểm tuần qua là 2 mã ngân hàng VCB và BID, tiếp theo sau là cổ phiếu bia SAB trong khi ở chiều ngược lại VIC, MWG và HPG cho thấy các tác động tiêu cực tới thị trường.

Dù không có đại diện trong nhóm trụ dẫn dắt thị trường nhưng Bảo Hiểm và Chứng khoán là 2 nhóm tăng điểm ấn tượng nhất trong tuần. Bảo hiểm với PVI +6.4% w-o-w, BIC + 6.15% w-o-w có thanh khoản thấp tăng mạnh nhất trong nhóm trong khi BVH cũng giao dịch tích cực ở mức nhất định. Với thanh khoản cao hơn, đà hồi phục của cổ phiếu chứng khoán với BSI +11.3%, MBS +9.9% cho thấy kỳ vọng vào xu hướng hồi phục của thị trường khi nhiều tin tiêu cực đã được công bố.

Hiện tại, thanh khoản thị trường vẫn đang ở vùng thấp nhưng đáng chú ý là dòng tiền đã tiếp tục chuyển dịch sang nhóm Bất động sản, thể hiện tâm lý chấp nhận rủi ro đang hình thành.

Bên cạnh thông tin về chính sách vĩ mô, tiền tệ, kết quả quý 2 của các doanh nghiệp niêm yết cũng sẽ là yếu tố để sàng lọc doanh nghiệp. Xét về Tăng trưởng Lợi nhuận quý 2/2022, một số nhóm cổ phiếu có thể vẫn còn tăng trưởng nhưng dấu hiệu chậm lại đang khiến cho áp lực điều chỉnh tăng lên tại vùng giá cao. Có thể kể tới Hóa chất, bao gồm cả Hóa chất cơ bản và Phân bón khi đà điều chỉnh đã xuất hiện dù LNST Q2/22 của nhóm vẫn tăng tới 115% y-o-y. Nhóm Bán lẻ có mức giảm 24.2% đang cho thấy những khó khăn nhất định trong kiểm soát chi phí dù nhu cầu hồi phục ổn định.

Ngược lại dù kết quả kinh doanh đều không mấy khả quan nhưng Bảo Hiểm (LNST Q2 giảm 37% y-o-y) và Dịch vụ tài chính (LNST Q2 giảm 78.5% y-o-y) nhưng do vùng giá đã chiết khấu sâu nên dòng tiền bắt đáy cũng bắt đầu hình thành. Nhóm Bất động sản giảm 70% y-o-y, nhóm Tài nguyên cơ bản – trong đó các mã Thép có quy mô áp đảo - giảm 56.3% cũng đang cho thấy sức hút dòng tiền bắt đáy sau khi kết quả kinh doanh công bố.

Tuần qua chỉ số chính thị trường Mỹ đã tăng vượt trội sau khi số liệu vĩ mô cho thấy tín hiệu của suy thoái kinh tế với quý thứ 2 liên tiếp tăng trưởng GDP âm. Kỳ vọng ngắn hạn vào việc giá cả hàng hóa suy giảm do nhu cầu yếu vì suy thoái sẽ giúp hạ nhiệt lạm phát và từ đó giảm bớt áp lực thắt chặt chính sách của Mỹ đang dẫn dắt thị trường. Dù số liệu vĩ mô tiêu cực nhưng thị trường Mỹ lại có tháng tốt nhất trong thời gian dài vừa qua. Kết thúc tháng 7, bức tranh chung là VN-Index vẫn đang giằng co tại cùng 1,200 điểm với mức hồi phục chỉ vào khoảng 0.73% trong tháng.



VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.0%, mở cửa tuần thấp hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa tuần và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Về diễn biến cụ thể, thị trường có hai ngày đầu tuần suy yếu, tương quan cung cầu nghiêng về phía bán với áp lực bán giá thấp trội hơn. Tương quan này đảo chiều vào cuối ngày thứ tư khi lực mua giá cao trở nên áp đảo vào cuối ngày, nó giúp thị trường bật tăng ngay khi mở cửa ngày thứ năm và sau đó tiếp tục tăng đến đầu buổi chiều. Tuy nhiên điều đáng chú ý là việc sau khi thị trường tạo đỉnh với thanh khoản trong ngày đạt mức cao trào trong ngày thứ năm thì sau đó áp lực bán quay lại áp đảo trong tương quan cung cầu. Điều này thể hiện càng rõ ràng hơn trong phần cuối ngày thứ sáu cuối tuần, khi thị trường suy yếu với nguyên nhân đến từ áp lực bán sau khi duy trì được một nền đi ngang trong buổi sáng.

Nhìn chung, dù trong nửa sau của tuần VNIndex có diễn biến bật tăng nhưng tương quan cung cầu xác nhận cho diễn biến đó thì chỉ duy trì trong một khoảng thời gian quá ngắn.



Và mức điểm ở vùng cao với khối lượng giao dịch gia tăng, với lực bán vượt trội chỉ càng cho thấy thêm rủi ro tạo đỉnh, hay như cách mà nhiều người hay nói, là phân phối.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,150
Kháng cự	1,220



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
BMC	11/10/21	25,200 – 27,200	45,200	21,100	1:3	1.1%	33,000	21.3%
TNG	24/08/21	22,833 – 24,120	31,833	21,481	1:3	36.8%	38,950	61.5%
SLS	18/08/21	131,000 – 147,000	212,000	125,000	1:3	2.0%	172,730	17.5%
BWE*	16/07/21	35,000 – 36,000	45,000	32,900	1:3	58.3%	62,000	72.2%
LAS*	21/06/21	13,000 – 14,000	19,000	11,800	1:2.3	78.6%	27,800	98.6%
ABI*	17/06/21	45,614 – 49,123	65,789	42,982	1:2.7	26.2%	68,000	38.4%
VND*	09/06/21	14,600 – 15,600	21,000	13,500	1:2.5	105.1%	36,250	132.4%
DPG*	31/05/21	26,500 – 27,929	42,571	24,000	1:4	199.0%	97,920	250.6%
GVR	28/05/21	26,300 – 29,500	48,400	23,900	1:3.5	25.1%	43,300	46.8%
BID	28/05/21	36,400 – 38,400	51,600	33,600	1:3	15.9%	49,950	30.1%
SSI*	20/05/21	21,000 – 22,300	27,850	19,700	1:2	81.6%	52,130	133.8%
SGR	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000	1:3.5	35.2%	43,550	61.3%
BSR*	11/05/21	14,900 – 16,100	22,000	13,600	1:2.3	100.6%	33,500	108.1%
SMC*	11/05/21	29,000 – 31,250	41,670	25,850	1:2	12.6%	45,740	46.4%
BCG*	12/04/21	13,200 – 13,600	17,533	12,333	1:3	98.5%	28,850	112.1%
GMD*	07/04/21	33,800 – 35,000	53,800	32,700	1:5	68.6%	62,200	77.7%
STB*	30/03/21	19,500 – 21,000	28,500	18,300	1:3	61.9%	36,700	74.8%
TTF*	29/03/21	6,900 – 7,500	13,000	6,200	1:4	93.3%	17,950	139.3%
VIC*	26/03/21	96,900 – 101,300	128,900	95,100	1:4.5	6.6%	129,690	28.0%
VCB	18/03/21	74,530 – 76,250	97,000	72,700	1:6	18.0%	96,000	25.9%
GEG*	08/03/21	15,610 – 16,650	24,245	14,580	1:4	47.1%	27,360	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 – 14,700	21,700	13,100	1:4.5	97.3%	37,000	151.7%
PVD*	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900	1:4	41.6%	33,580	58.0%
TIG*	05/03/21	7,545 – 8,455	13,636	7,273	1:4.5	172.0%	28,800	240.6%
GAS*	17/02/21	80,000 – 83,500	117,000	73,700	1:3.5	44.9%	130,440	56.2%
CNG*	17/02/21	19,900 – 21,000	29,500	18,600	1:3.5	119.0%	49,100	133.8%
CCL*	17/02/21	8,930 – 9,820	16,070	7,770	1:3	73.1%	18,570	89.1%
SAM*	17/02/21	10,730 – 11,590	21,555	9,770	1:5	81.2%	28,260	143.8%
LAF*	27/01/21	12,800 – 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%	27,000	86.2%
VSH*	25/01/21	18,000 – 19,700	30,000	16,900	1:3.5	132.0%	48,000	143.7%
MSR*	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	40.5%	34,300	63.3%
SFI*	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	153.2%	88,260	184.7%
PGV*	23/11/20	12,510 – 13,462	22,510	11,271	1:4	174.8%	42,290	85.6%
CKG*	19/11/20	8,230 – 8,650	11,300	7,890	1:3.5	283.8%	41,800	383.2%
DRI*	20/10/20	4,030 – 4,530	9,530	3,230	1:4	312.8%	20,780	358.7%
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%



Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

3. Các mã đã rút khỏi Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Lợi nhuận	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
TDM*	30/07/21	30,050	40,000	33.1%	32.8%	41.1%
HAH*	03/08/21	34,300	42,100	22.7%	268.1%	469.9%
OCB*	02/08/21	24,300	27,700	14.0%	25.5%	53.0%
SZC*	23/04/21	35,750	41,000	14.7%	38.1%	144.3%
DHC*	30/10/20	34,440	38,760	17.1%	88.7%	171.2%
ACB*	05/02/21	22,830	29,110	27.5%	58.3%	69.8%
MBB*	11/06/21	29,185	32,593	11.7%	113.3%	175.7%
VIB*	05/02/21	25,297	32,157	27.1%	30.5%	58.8%

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
VHM*	31/05/21	75,820	75,550	0%	38.6%	15/02/22	81,800	+8.3%
MWG*	08/02/21	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



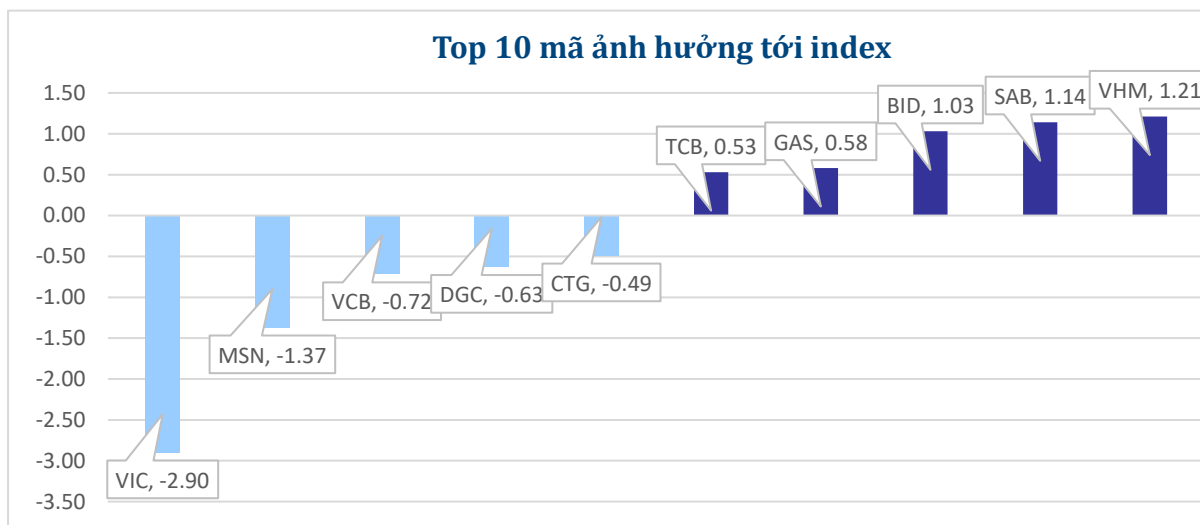
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG PHIÊN CUỐI TUẦN
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,206.33	-0.15%	-1.79	590.32	15,034.6	189	87	239
Vn30 - Index	1,232.00	-0.33%	-4.14	176.99	6,298.6	15	0	15
Vn - Mid	1,639.99	-0.41%	-6.72	217.34	5,941.1	27	9	33
VN - Small	1,477.02	-0.02%	-0.32	105.36	2,035.6	88	30	95
HNX - Index	288.61	-0.42%	-1.23	62.18	1,225.4	72	71	194
Upcom - Index	89.61	0.12%	0.11	54.00	680.3	225	92	135

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	15,034.60	-2.04%	590.32	-11.74%
HNX	1,225.40	-43.01%	62.18	-30.52%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

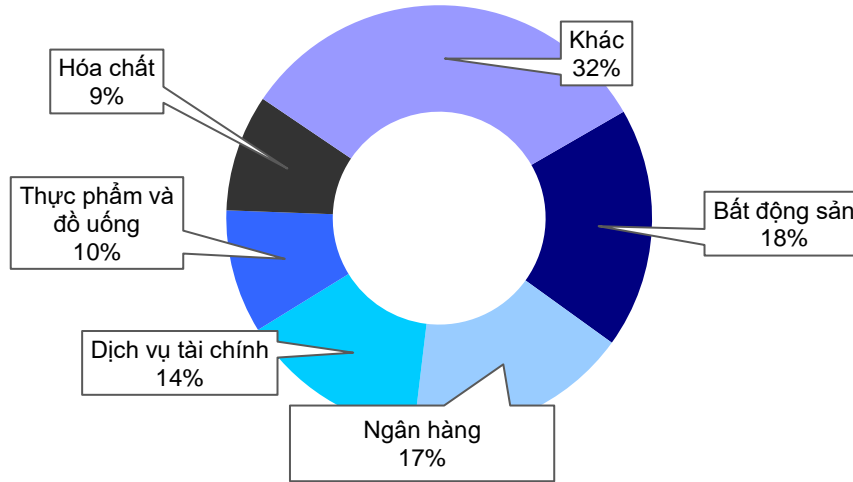


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
VND 26.44	DGC 586.9	VIB 336%	ASM 4.4%	DGC -7.0%
SSI 20.79	HPG 505.9	DGC 333%	VCI 4.1%	FRT -5.9%
HPG 20.59	MWG 446.7	BID 314%	BCG 3.7%	DPM -5.0%
STB 17.76	VND 444.7	HAH 244%	GEX 2.9%	VIC -4.5%
HAG 17.27	STB 436.4	PNJ 228%	BID 2.2%	DCM -4.2%

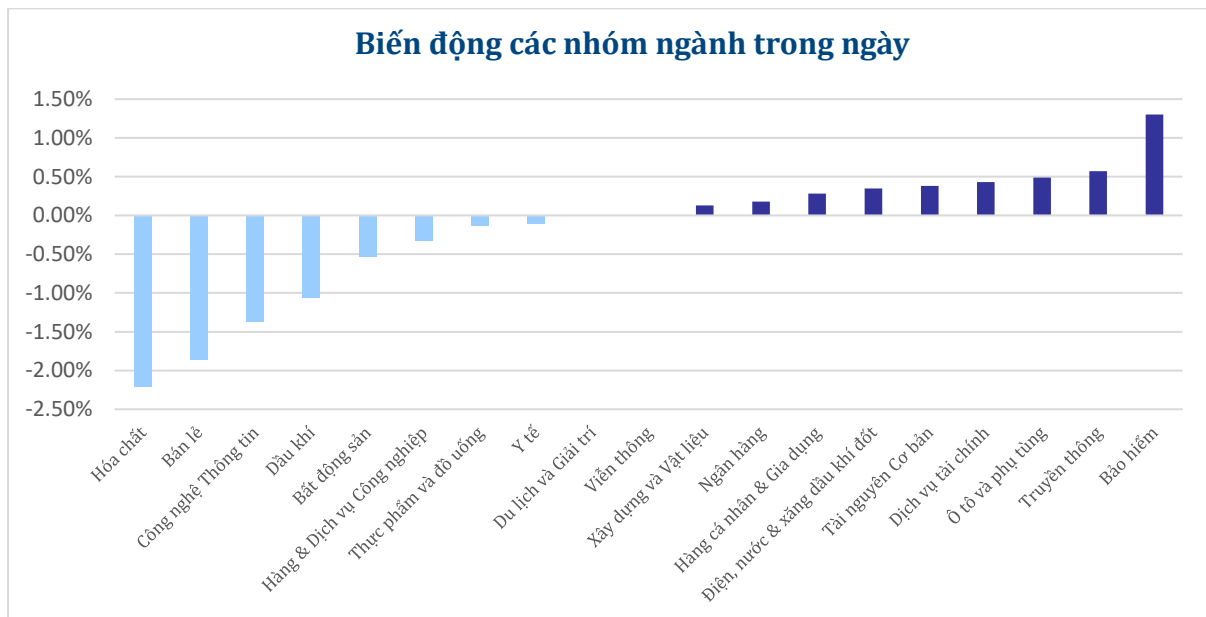


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

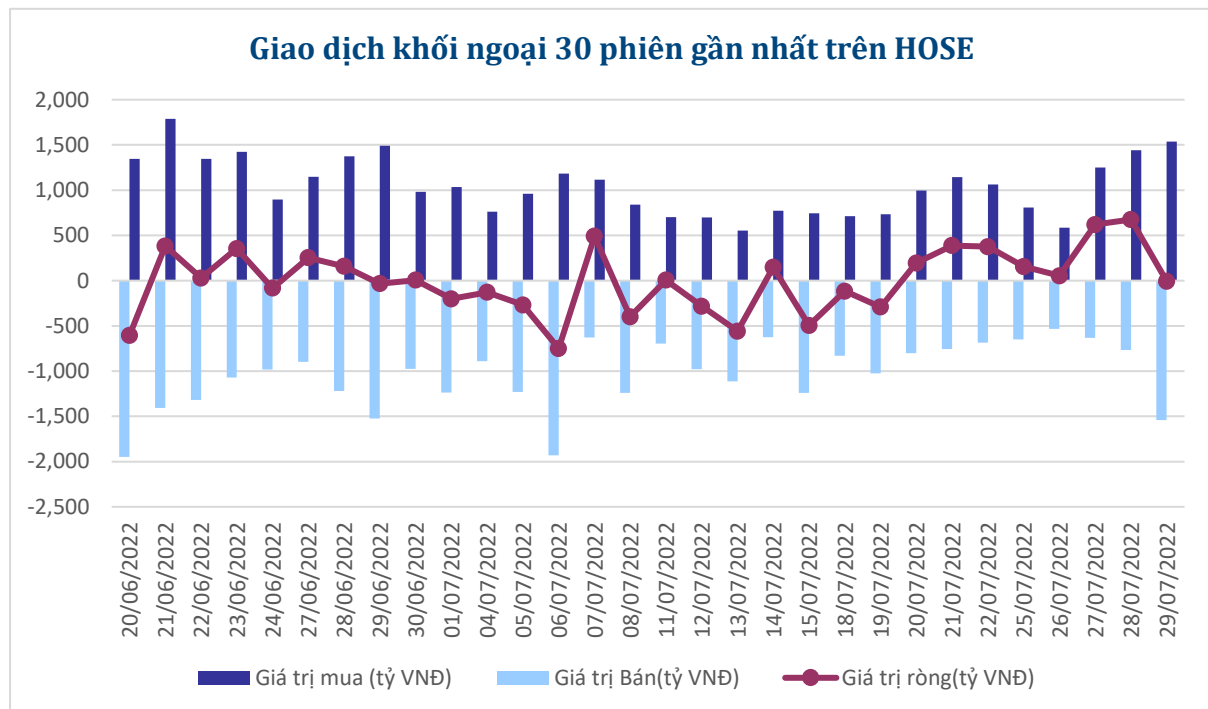




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

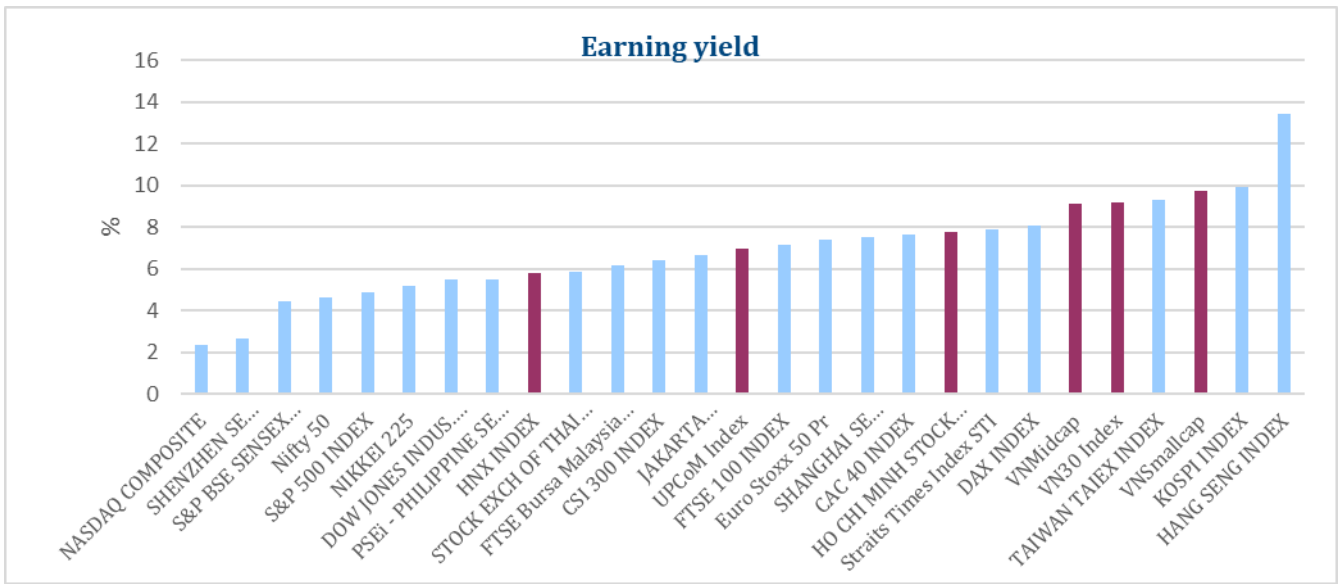
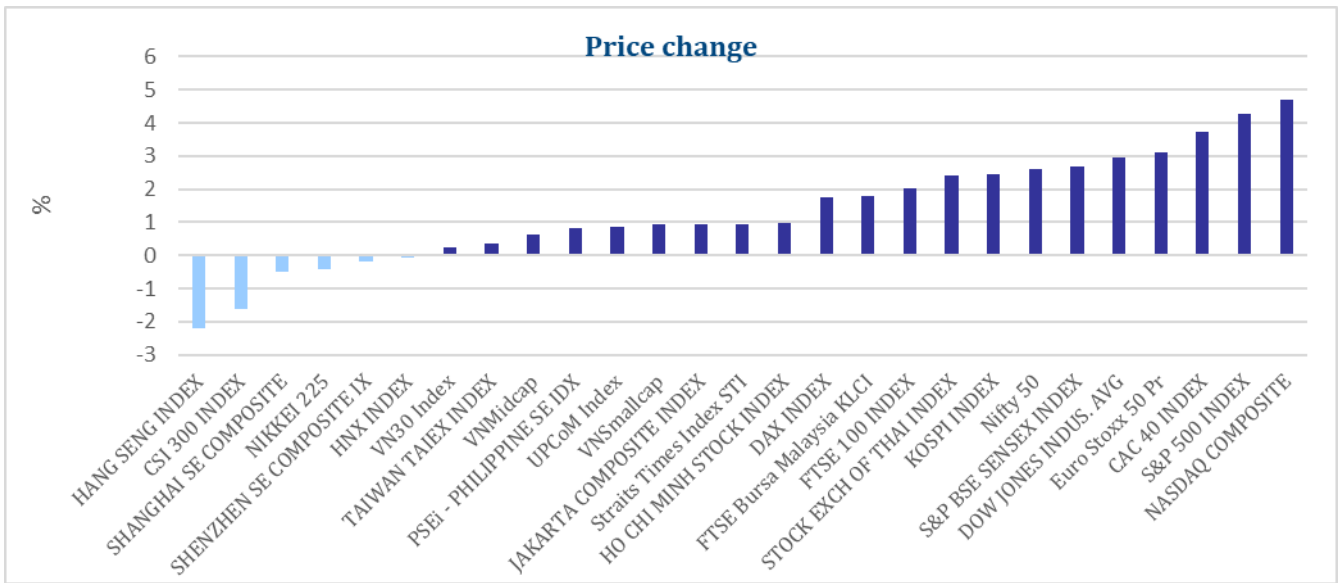
Trên HOSE bán ròng 5.94 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 8.07 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
SSI	132.61	NVL	314.87
KBC	70.50	DGC	64.15
STB	56.73	VHM	35.31
DXG	50.01	VCB	23.62
NLG	49.51	HPG	22.02





BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

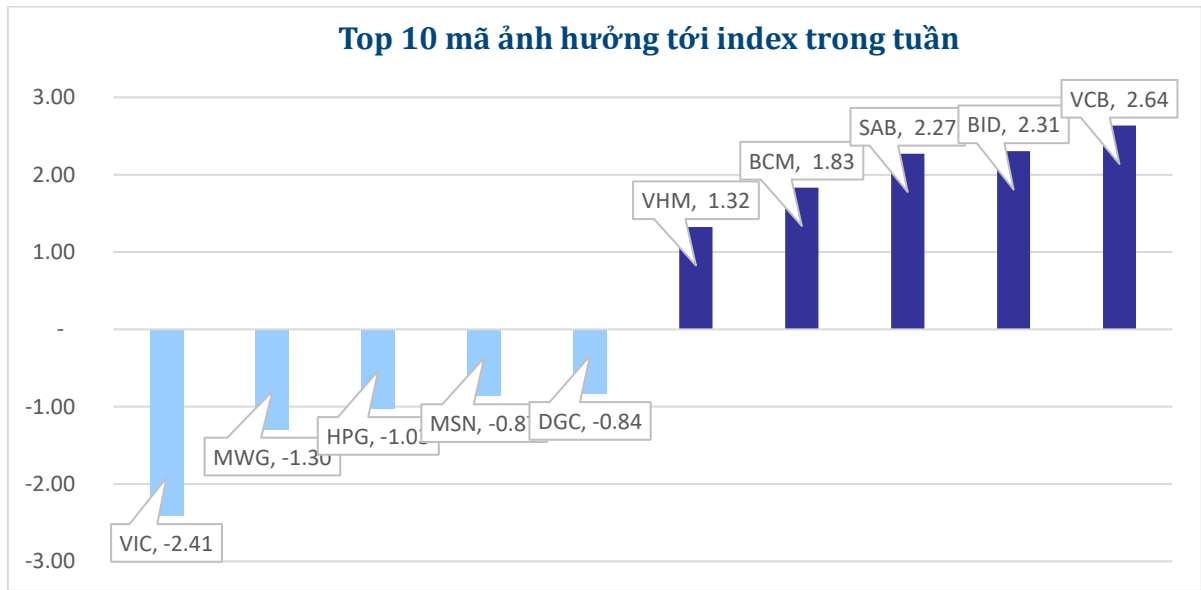


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



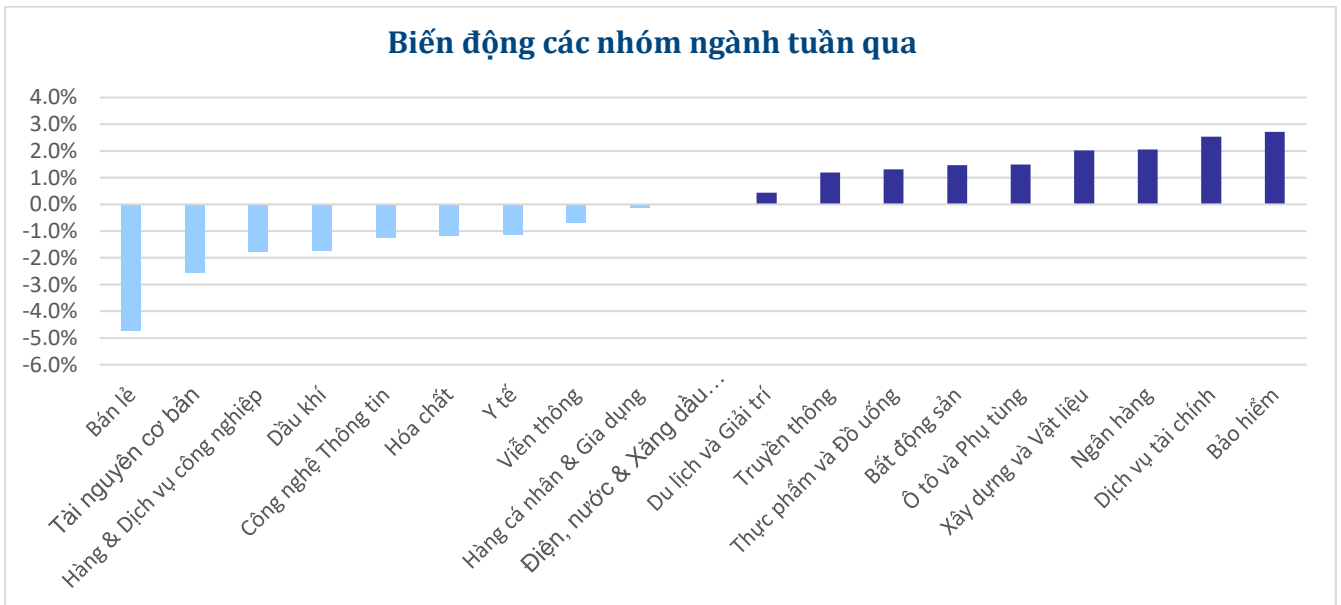


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



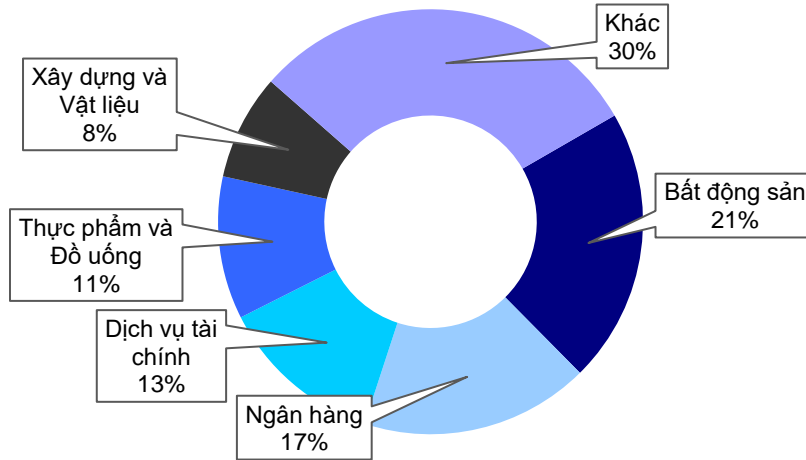
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
HPG	24.0	HPG	517.6	SJE	10.05x	DXG	12.7%	SJE	-20.1%
SSI	18.6	STB	396.4	VDS	2.50x	HAX	12.2%	DBC	-9.8%
VND	18.1	SSI	384.9	DBC	2.37x	HDG	11.8%	CTF	-9.2%
HAG	17.5	VND	338.8	CTF	2.09x	BSI	11.3%	DGC	-9.1%
STB	16.6	VPB	301.1	BSI	1.96x	KHG	10.6%	VSH	-7.6%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

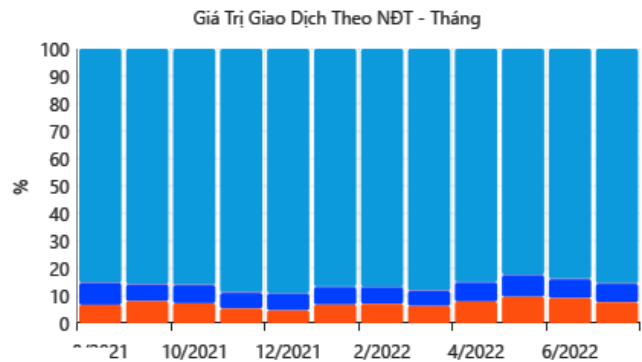
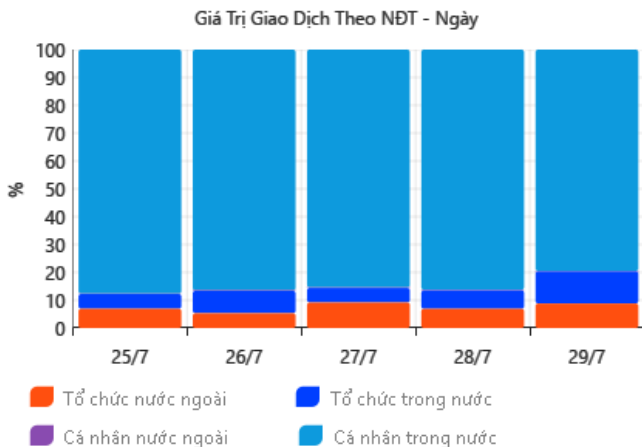


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
DGC	-9.06%	1,092.5	MSN	-2.21%	511.0
NVL	0.81%	1,036.8	NVL	0.81%	396.0
VND	0.79%	955.1	VCB	3.03%	276.3
TPB	-5.17%	779.7	VIB	1.53%	265.9
HPG	-3.15%	732.7	GAS	-0.28%	263.4

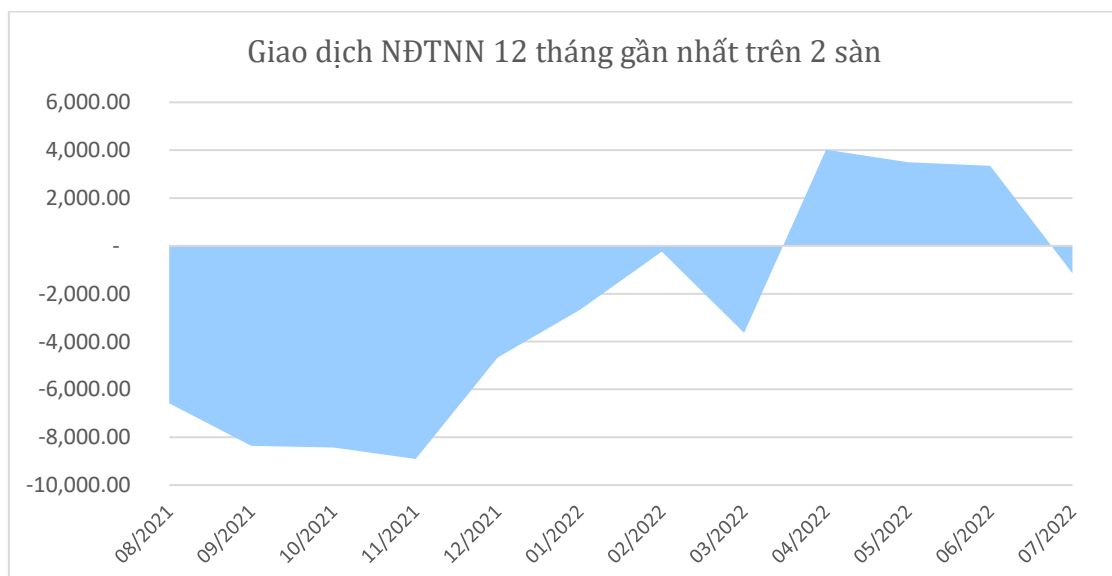
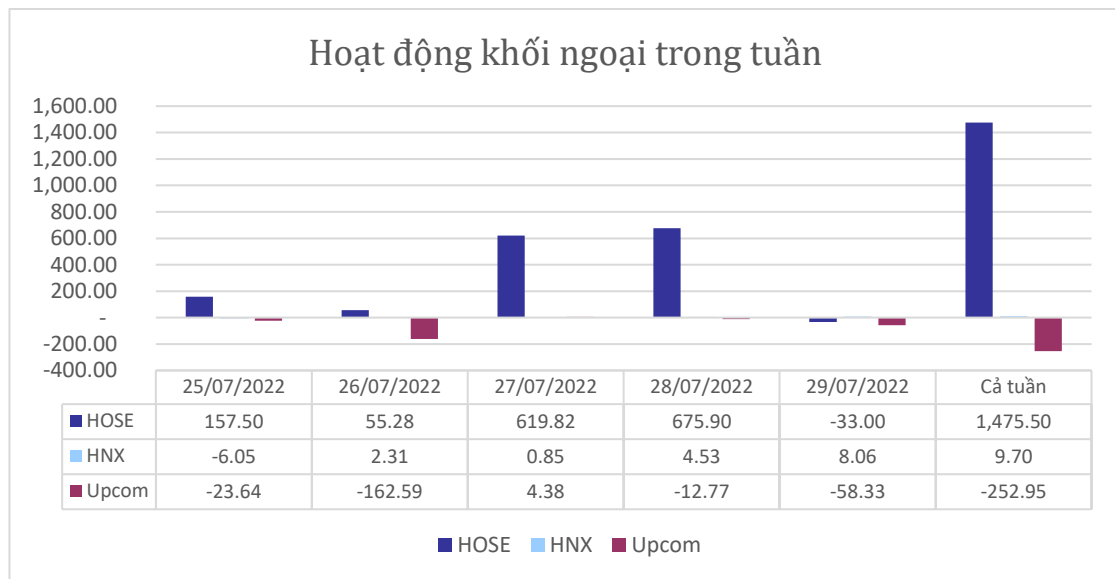
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

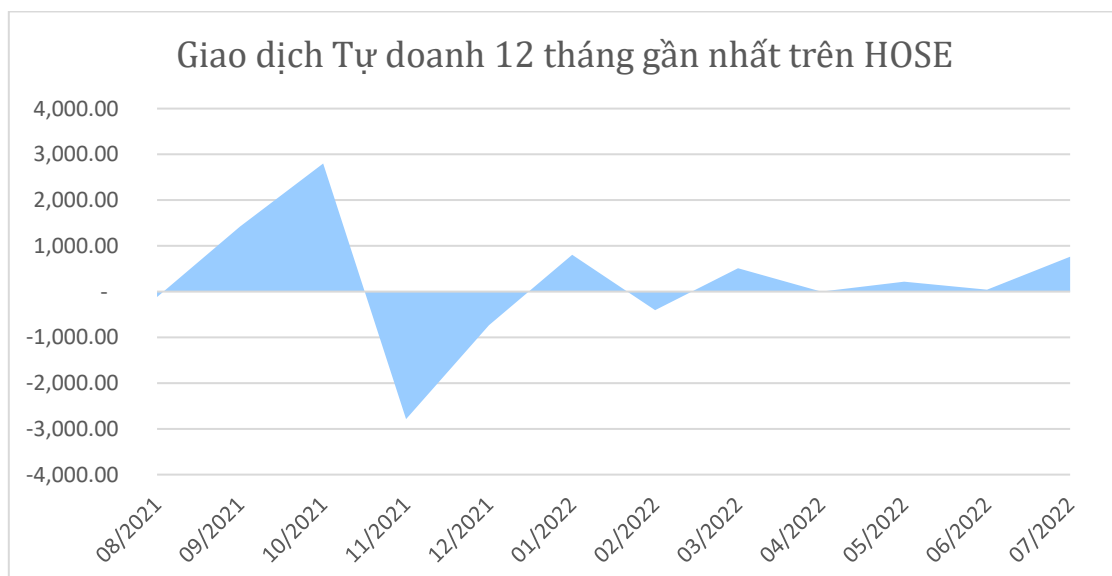
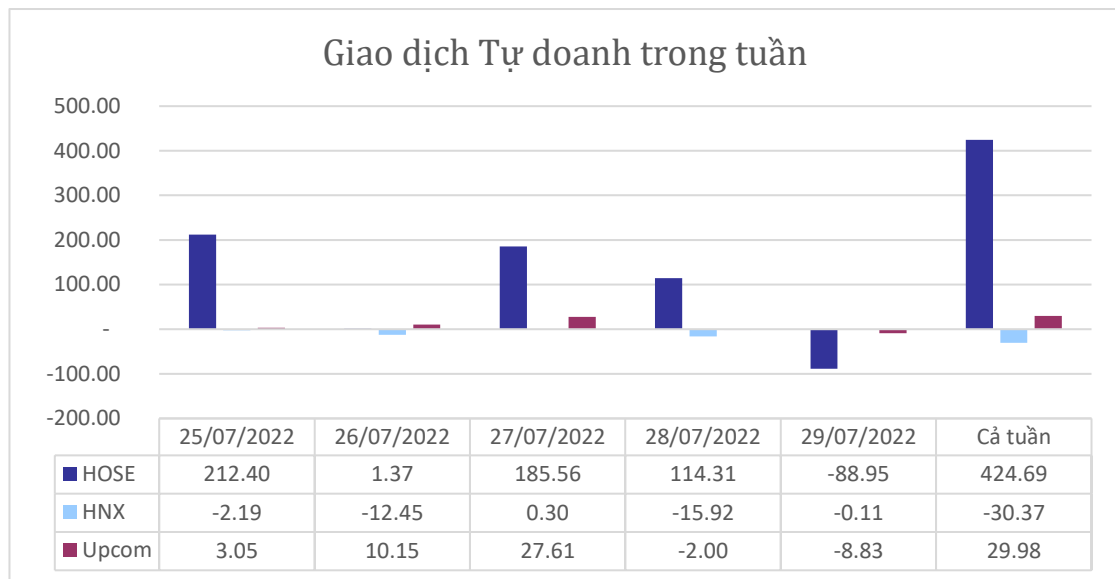
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
KDC	9.81%	976.14	HPG	-3.15%	352.17
SSI	2.15%	256.58	NVL	0.81%	308.09
STB	7.39%	134.35	DGC	-9.06%	81.54
KBC	2.31%	129.86	VHM	2.04%	47.15
MWG	-5.43%	129.07	DPM	-3.04%	36.87





KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

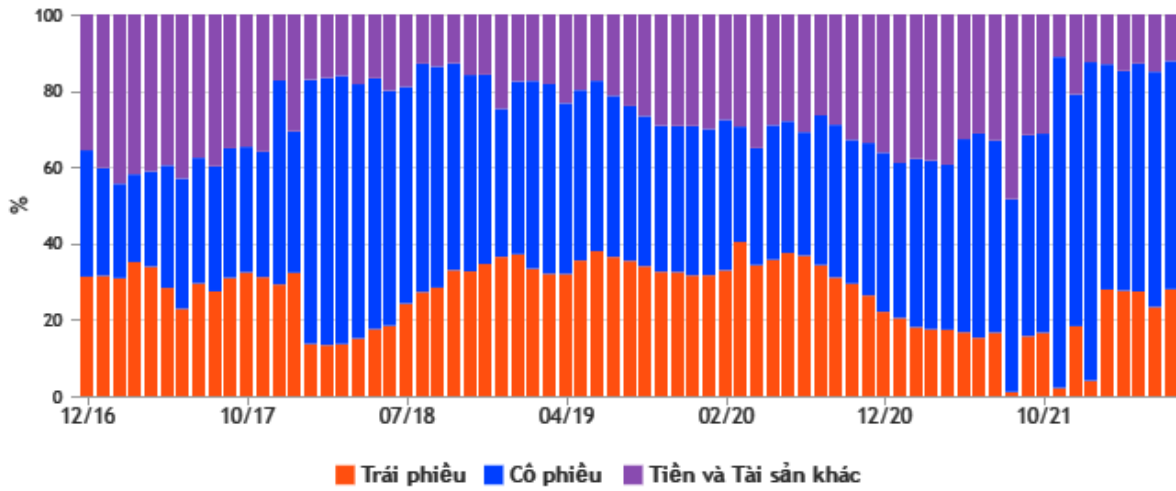
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VPB	1.95%	140.79	EIB	-2.60%	142.29
TCB	2.16%	136.73	GAS	-0.28%	75.09
DXG	12.73%	113.27	MSN	-2.21%	74.17
KBC	2.31%	57.18	SAB	8.43%	35.96
NVL	0.81%	50.37	FUEKIV30	0.50%	34.27



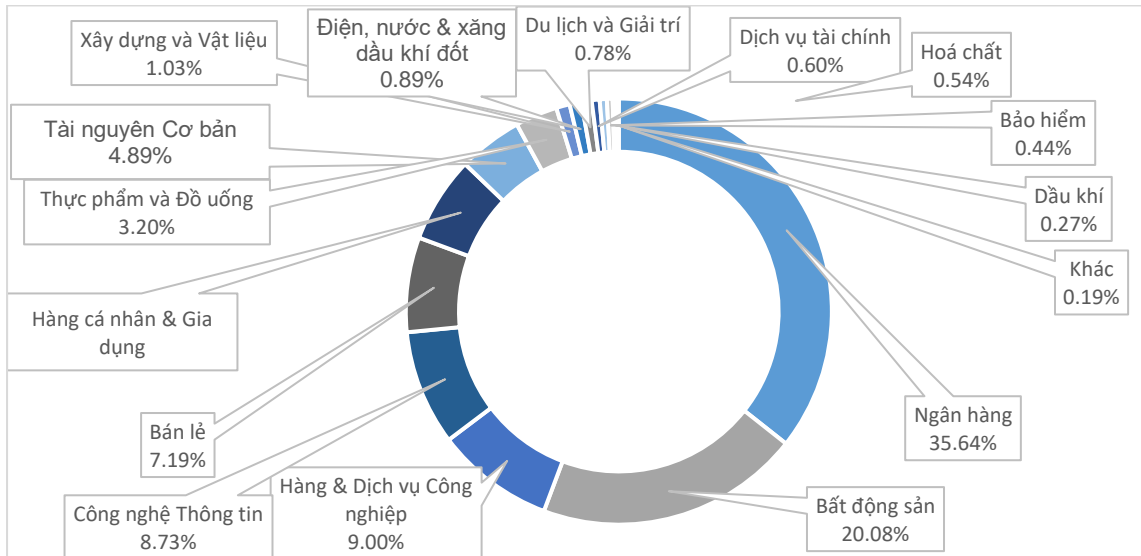


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

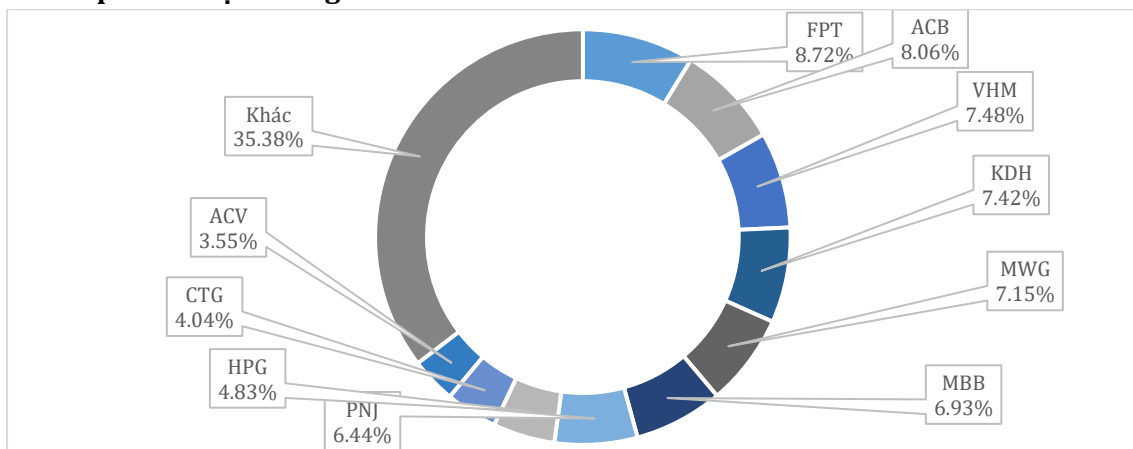
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
CMN	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.700 đ/cp)	01/08/22	02/08/22	12/08/22
SMC	HSX	Giao dịch 12.183.896 cp niêm yết bổ sung			01/08/22
POV	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.500 đ/cp)	01/08/22	02/08/22	15/08/22
VDN	Upcom	Trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	01/08/22	02/08/22	24/08/22
DC1	Upcom	Giao dịch 944.940 cổ phiếu ĐKGD bổ sung	01/08/22	01/08/22	01/08/22
SIP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	01/08/22	02/08/22	01/08/22
VNT	HNX	Giao dịch đầu tiên 592.546 trái phiếu niêm yết			01/08/22
TVS	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	01/08/22	02/08/22	01/08/22
BNA	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022	01/08/22	02/08/22	01/08/22
POS	Upcom	ĐHCĐ bất thường năm 2022	01/08/22	02/08/22	31/08/22
PJT	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (800 đ/cp)	01/08/22	02/08/22	12/08/22
VSC	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	02/08/22	03/08/22	02/08/22
BTT	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (700 đ/cp)	03/08/22	04/08/22	15/08/22
STK	HSX	Thực hiện quyền mua cổ phiếu cho CĐHH (tỷ lệ 5:1)	04/08/22	05/08/22	04/08/22
HLT	Upcom	Giao dịch 1.804.216 cổ phiếu niêm yết bổ sung	05/08/22	05/08/22	05/08/22
SZL	HSX	ĐHCĐ bất thường năm 2022	05/08/22	08/08/22	05/08/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Đỗ Trung Nguyên

Chief Investment strategy

nguyendt@gtjas.com.vn

(024) 35.730.073 – ext:702

Võ Thế Vinh

Head of Research

vinhvt@gtjas.com.vn - ext:701



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696